TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày 27-9-2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tư vấn du học"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hiệp và bà Đỗ Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Huê, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tư vấn du học*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T1; địa chỉ: Số A đường C, khối B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T; địa chỉ: Số A đường C, khối B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 06-3-2023*) *– Đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: Ông Trần Văn M; địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An;

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Hương M1; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ cuối cùng trước khi bỏ trốn: Số A, S-dong, G-gu, G1, K – *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-3-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH T1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26-7-2021, Công ty TNHH T1 (*viết tắt là Công ty*) ký kết Hợp đồng tư vấn du học số: 60/2021/TVDH để tư vấn cho chị Trần Thị Hương M1 đi du học tại

Hàn Quốc. Ngày 07-12-2021, giữa Công ty và ông Trần Văn M (*bố chị M1*) ký kết hợp đồng bảo lãnh về việc ông M bảo lãnh cho việc thực hiện nghĩa vụ của chị M1 đối với Công ty phát sinh từ hợp đồng tư vấn du học.

Quá trình tư vấn, Công ty đã phổ biến cho chị M1 và ông M về quyền, nghĩa vụ của du học sinh và người bảo lãnh cho du học sinh, quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng khi du học sinh có hành vi bỏ học, bỏ trốn khỏi nơi đang học tập tại Hàn Quốc. Công ty đã hướng dẫn hồ sơ, thủ tục xuất nhập cảnh cho chị M1 và chị M1 đã sang Hàn Quốc bắt đầu khóa học tại Trường Đại học K1 từ ngày 20/12/2021. Tuy nhiên, Trường Đại học N có thông báo về việc chị M1 tự ý bỏ học, bỏ trốn khỏi nơi ở từ ngày 29-8-2022 đến ngày 03-2-2023 nhằm cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc. Nhà trường và Công ty đã nhiều lần tìm kiếm thông tin liên lạc với chị M1 nhưng không có kết quả. Công ty có văn bản thông báo cho về việc chị M1 bỏ trốn để phối hợp cùng Công ty và nhà trường liên lạc với chị M1 quay lại trường tiếp tục học tập nhưng ông M không hợp tác.

Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M phải bồi thường cho Công ty số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tư vấn du học số: 60/2021/TVDH ngày 26-7-2021, Hợp đồng bảo lãnh ngày 07-12-2021 và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày Công ty có văn bản thông báo về việc du học sinh bỏ học đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thì bị đơn ông Trần Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Hương M1 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với ông M và chị M1 theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 335, điều 336, khoản 1 Điều 339, khoản 1 Điều 340 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1: Buộc ông Trần Văn M phải thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền bảo lãnh là 200.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 20-10-2022 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh bồi thường số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tiền theo cam kết hợp đồng bảo lãnh do du học sinh được bảo lãnh vi phạm hợp đồng tư vấn du học, đây là loại tranh chấp hợp đồng dân sự, nên Hội đồng xét xử

xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Hương M1 đã xuất cảnh sang Hàn Quốc theo hợp đồng tư vấn du học và đã tự ý bỏ học nên căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[1.3]. *Về việc giải quyết vắng mặt đương sự:*

Chị M1 đang ở nước ngoài nhưng đã bỏ đi khỏi nơi học tập theo hợp đồng tư vấn du học ban đầu nên nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án và quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn M là người bảo lãnh cho chị M1 cũng không biết rõ địa chỉ của chị M1, chỉ biết chị M1 đang ở Hàn Quốc nên cũng không cung cấp được địa chỉ. Do vậy, chị M1 thay đổi địa chỉ, nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn về nơi cư trú, làm việc mới nên coi là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo theo Nghị quyết số: 04/2017 /NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với bị đơn ông Trần Văn M, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 26-7-2021, giữa Công ty và chị M1 ký kết Hợp đồng tư vấn du học số: 60/2021/TVDH về việc Công ty tư vấn cho chị M1 đi du học tại Hàn Quốc. Ngày 07-12-2021, giữa Công ty và ông M ký kết hợp đồng bảo lãnh, nội dung ông M bảo lãnh cho việc thực hiện nghĩa vụ của chị M1 đối với Công ty phát sinh từ hợp đồng tư vấn du học. Xét thấy, hợp đồng tư vấn du học và hợp đồng bảo lãnh phát sinh hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Tại mục 2.2.6 Điều 2 của hợp đồng tư vấn du học, hai bên thỏa thuận *"Kể từ khi được tiếp nhận cho đến khi kết thúc chương trình đào tạo ngôn ngữ tại Trường Đại học K1… bên B (chị M1) có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của nhà trường, đặc biệt là không được bỏ học, rời khỏi trường học và/hoặc cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc. Bên B được coi là bỏ trốn nếu trong 07 ngày bên B không đến lớp và không có lý do chính đáng mà có công văn từ phía trường hoặc giấy chứng nhận chuyên cần của nhà trường thông báo về cho bên A (Công ty) thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và tự nguyện đồng ý chịu phạt cho bên A vô điều kiện với mức tiền phạt được thỏa thuận là 200.000.000 đồng"*. Ngày 25-8-2022, Trường Đại học K1 có Biên bản xác nhận chị M1 đã vắng học trong khoảng thời gian từ ngày 29-8-2022 đến ngày 03-2-2023. Như vậy, chị M1 đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tư vấn du học.

[2.3]. Theo thỏa thuận tại khoản 2 Điều 2 và khoản 3 Điều 4 của hợp đồng bảo lãnh thì ông M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty do chị M1 vi phạm hợp đồng tư vấn du học với giá trị tài sản bảo lãnh là 200.000.000 đồng. Ngày 20-10-2022, Công ty đã có Công văn số: 03/2022 yêu cầu ông M phối hợp và thực hiện đúng quy định của hợp đồng bảo lãnh nhưng ông M không phản hồi.

[2.4]. Xét thấy, việc chị M1 vi phạm hợp đồng tư vấn du học đã làm phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của ông M đối với Công ty theo hợp đồng bảo lãnh. Do đó, áp dụng Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ông M phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày Công ty có văn bản thông báo *(20-10-2022)* đến ngày xét xử sơ thẩm *(27-9-2024)* là 1 năm 11 tháng 07 ngày theo cam kết (*tính tròn 1 năm 11 tháng theo ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*) với mức lãi suất chậm trả tiền quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể: (*200.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm*) + (*200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng*) = 38.260.000 đồng, tổng số tiền là 238.260.000 đồng. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn số tiền 238.260.000 đồng theo cam kết của hợp đồng bảo lãnh nêu trên là có căn cứ được chấp nhận.

[2.5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1. Buộc ông Trần Văn M phải bồi thường cho Công ty TNHH T1 tổng số tiền 238.260.000 đồng (*hai trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*), trong đó số tiền cam kết bồi thường là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*), tiền lãi chậm trả là 38.260.000đ (*ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Trần Văn M phải chịu 11.913.000 (*mười một triệu chín trăm mười ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho Công ty TNHH T1 số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000254 ngày 30-3-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Hữu